

**Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2016  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 – 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 – 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Zhang Zheng Ming	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 05/05/2016)
Bà Phạm Thị Phương	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 05/05/2016)
Bà Phạm Thu Phương	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 05/05/2016)
Bà Phạm Thị Phương	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 05/05/2016)
Ông Song Li Wei	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 05/05/2016)
Ông Trần Anh Thái	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 05/05/2016)
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 05/05/2016)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc
Ông Ngô Vũ An	Phó Giám đốc
Ông Trần Hữu Lập	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/04/2016)

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc.

---

**Zhang Zheng Ming**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016*

Số: 119/2016/SX-AV-TC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 12/08/2016, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên các thông tin Ban Giám đốc cung cấp cho chúng tôi, công tác soát xét của chúng tôi bị giới hạn bởi vấn đề sau:

- Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi đối với với khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch của dự án thủy điện Nậm Pàn 5 với số tiền còn lại là 4.138.319.061 đồng phát sinh từ năm 2010. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản phải thu này với giá trị là 2.201.172.777 đồng và chưa ghi nhận giá vốn và khai thuế đối với công trình này. Chúng tôi đã gửi thư xác nhận về khoản phải thu này nhưng không nhận được thư trả lời.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư Vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số 15. Trong năm 2011, Ban Quản lý dự án Vũng Áng - Quảng Trạch đã tạm ứng cho Công ty số tiền 1.686.842.496 VNĐ để thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch hợp đồng số 46/2011 và 56/2011. Hiện tại Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư để xác định khối lượng công việc đã thực hiện và đánh giá khả năng tiếp tục thực hiện dự án này.

---

**Phan Lê Thành Long**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0922-2015-055-1

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01 - DN Đơn vị tính: VND	
			30/06/2016	31/12/2015 Trình bày lại
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>25.829.450.875</b>	<b>29.988.414.449</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.338.496.502</b>	<b>76.880.179</b>
1. Tiền	111	5	4.338.496.502	76.880.179
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.263.989.055</b>	<b>29.842.004.656</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.108.758.589	23.975.298.805
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.159.000.000	-
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	7.752.036.959	7.426.912.344
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.1	1.445.366.284	640.966.284
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.201.172.777)	(2.201.172.777)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>69.529.614</b>	<b>69.529.614</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	69.529.614	69.529.614
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>157.435.704</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	114.607.500	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.828.204	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.508.457.550</b>	<b>1.494.274.671</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.2	50.000.000	-
2. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		525.112.545	525.112.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(525.112.545)	(525.112.545)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>1.415.465.414</b>	<b>1.415.465.414</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.415.465.414	1.415.465.414
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42.992.136</b>	<b>78.809.257</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	42.992.136	78.809.257
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>27.337.908.425</b>	<b>31.482.689.120</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01 - DN	
			Đơn vị tính: VND	Trình bày lại
			30/06/2016	31/12/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.826.090.427</b>	<b>11.206.787.677</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.532.090.427</b>	<b>10.912.787.677</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.683.016.764	5.442.345.267
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	2.006.791.948	1.861.046.949
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	16	950.785.448	2.911.786.326
4. Phải trả người lao động	314		374.840.350	541.035.744
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		400.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	116.655.917	156.573.391
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>294.000.000</b>	<b>294.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	294.000.000	294.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.511.817.998</b>	<b>20.275.901.443</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>19.511.817.998</b>	<b>20.275.901.443</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(635.048.590)	129.034.855
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		129.034.855	(6.143.615.153)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(764.083.445)	6.272.650.008
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>27.337.908.425</b>	<b>31.482.689.120</b>

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Ninh Văn Chương**

**Zhang Zheng Ming**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2016 đến 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B02 - DN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>1.187.638.664</b>	<b>20.926.965.777</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>1.187.638.664</b>	<b>20.926.965.777</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	21	704.514.121	16.615.815.079
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>483.124.543</b>	<b>4.311.150.698</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.205.771	2.582.452
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.248.413.759	3.179.926.150
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>(764.083.445)</b>	<b>1.133.807.000</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	29.056.815
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(29.056.815)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(764.083.445)</b>	<b>1.104.750.185</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	338.596.832
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(764.083.445)</b>	<b>766.153.353</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>(382)</b>	<b>383</b>

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ninh Văn Chương

Zhang Zheng Ming

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2016 đến 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B03 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		(764.083.445)	1.104.750.185
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Các khoản dự phòng	03		-	876.392.541
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.205.771)	(2.582.452)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(765.289.216)	1.978.560.274
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		8.485.187.397	(7.548.626.300)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	5.834.737.304
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.503.653.448)	(4.283.973.842)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(78.790.379)	52.297.966
- Thuế TNDN đã nộp	15		(877.043.802)	(29.664.293)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.260.410.552</b>	<b>(3.996.668.891)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	.	1.205.771	2.582.452
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.205.771</b>	<b>2.582.452</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.261.616.323</b>	<b>(3.994.086.439)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>76.880.179</b>	<b>4.010.886.480</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>4.338.496.502</b>	<b>16.800.041</b>

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016  
Giám đốc

Ninh Văn Chương

Zhang Zheng Ming

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Công ty”) có trụ sở chính tại số 198 phố Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0103020312 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 7 ngày 19 tháng 5 năm 2015.

Người đại diện theo pháp luật hiện tại là Ông Zhang Zheng Ming

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn và thiết kế xây dựng

**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phong điện, cơ sở hạ tầng và đường dây, trạm biến áp và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

**1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:**

Thông tin trên báo cáo tài chính đảm bảo khả năng so sánh với các kỳ báo cáo tương đương.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (“VND”).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên khả năng thu hồi các khoản phải thu khó đòi.

**4.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm các khoản trả trước và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian không quá 3 năm.

**4.5 Hàng tồn kho**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng các khoản lỗ hợp đồng. Dự phòng các khoản lỗ hợp đồng được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản hợp đồng đã thỏa thuận trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành dự án. Giá gốc bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho các dự án đang thực hiện. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có thời gian phát sinh quá một chu kỳ kinh doanh thông thường của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo thì được phân loại là chi phí sản xuất khi doanh dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.6 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Năm nay (số năm)</u>
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**4.7 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

**4.8 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

**4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của nhà đầu tư, được ghi nhận theo số vốn thực góp tại thời điểm nhận vốn góp.

**4.10 Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.10 Doanh thu và thu nhập khác ( Tiếp theo)**

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng:***

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được *thanh toán theo tiến độ kế hoạch*, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào thời điểm báo cáo mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập.

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được *thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện*, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Thu nhập khác*** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

**4.12 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận khi thực sự phát sinh.

**4.13 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Trong năm không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không phát sinh chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.13 Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.14 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Công ty mẹ).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**4.15 Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.15 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**5. TIỀN**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.796.573.876	10.002.665
Tiền gửi ngân hàng	541.922.626	66.877.514
<b>Cộng</b>	<b>4.338.496.502</b>	<b>76.880.179</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.108.758.589</b>	<b>23.975.298.805</b>
Các khoản phải thu khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu ngắn hạn khách hàng	3.442.901.104	4.785.862.554
<i>Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia</i>	<i>2.183.690.600</i>	<i>2.183.690.600</i>
<i>Ban QLDA Phát triển Điện lực - Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc</i>	<i>1.259.210.504</i>	<i>1.275.694.504</i>
<i>Công ty cổ phần Thủy điện Đakrinh</i>	-	648.880.655
<i>Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam</i>	-	677.596.795
Các khoản phải thu của khách hàng khác	404.157.963	393.613.119
Phải thu khách hàng là bên liên quan	9.261.699.522	18.795.823.132
<i>Công ty TNHH đầu tư và quản lý Hoàng Phúc (Cổ đông)</i>	<i>2.982.988.303</i>	<i>4.682.988.303</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại &amp; Khoáng sản Hoàng Phúc (Công ty liên kết)</i>	<i>6.278.711.219</i>	<i>14.112.834.829</i>

Trong khoản phải thu 1.259.210.504 của Ban QLDA Phát triển Điện lực – Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc có 1.184.979.613 VNĐ phát sinh từ trước năm 2013, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Ban Giám đốc Công ty đang trong quá trình đàm phán với khách hàng và xác định sẽ thu được khoản nợ này từ Ban QLDA Phát triển Điện lực-Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc trong năm nay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trung tâm Khảo sát Quy hoạch xây dựng-Viện quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia-Bộ xây dựng	165.000.000	-
Công ty cổ phần xây dựng Thành Nam	900.000.000	-
Các công ty khác	94.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.159.000.000</b>	<b>-</b>

**8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP KẾ HOẠCH ĐỒNG XÂY DỰNG**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công trình Bãi Thải Xi Thái Bình	932.501.660	932.501.660
Công trình thủy điện Đăkrinh	1.352.339.794	1.352.339.794
Công trình thủy điện Nậm Pàn	4.138.319.061	4.138.319.061
Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	223.055.962	1.003.751.829
Dự án khu Logistic Quốc tế Bắc Giang	1.105.820.482	-
<b>Cộng</b>	<b>7.752.036.959</b>	<b>7.426.912.344</b>

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>9.1 Ngắn hạn</b>	<b>1.445.366.284</b>	<b>640.966.284</b>
Tạm ứng	1.020.234.874	165.834.874
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	268.950.600
Ông Zhang Hai Long	100.000.000	100.000.000
Phải thu khác	56.180.810	106.180.810
<b>9.2 Dài hạn</b>	<b>50.000.000</b>	<b>-</b>
Đặt cọc thuê văn phòng	50.000.000	-

**10. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số đầu năm</b>	<b>2.201.172.777</b>	<b>1.241.495.718</b>
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	-	876.392.541
<i>Trừ: Dự phòng sử dụng/hoàn nhập trong năm</i>	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.201.172.777</b>	<b>2.117.888.259</b>

Theo quyết định số 44A/TVĐLDK-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch công trình xây dựng dự án Công trình thủy điện Nậm Pàn 5 số tiền 2.201.172.777 VNĐ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**11. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình</b>		
Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình	69.529.614	69.529.614
<b>Cộng</b>	<b>69.529.614</b>	<b>69.529.614</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>12.1 Ngắn hạn</b>	<b>114.607.500</b>	-
Thuê nhà	114.607.500	-
Khác	-	-
<b>12.2 Dài hạn</b>	<b>42.992.136</b>	<b>78.809.257</b>
Công cụ, dụng cụ	13.500.000	19.927.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.492.136	58.882.136

**13. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình</b>		
Công trình thủy điện Nậm Chà 3	597.823.574	597.823.574
Công trình Nhiệt điện Quảng Trạch HĐ 46/2011	369.957.224	369.957.224
Công trình Nhiệt điện Quảng Trạch HĐ 56/2011	447.684.616	447.684.616
<b>Cộng</b>	<b>1.415.465.414</b>	<b>1.415.465.414</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh của các công trình Nậm Chà 3 và Công trình nhiệt điện Quảng Trạch đã phát sinh từ năm 2014. Do đã vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường nên Công ty đã phân loại thành chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.683.016.764</b>	<b>5.442.345.267</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	3.481.307.564	5.315.592.687
<i>Công ty cổ phần tư vấn Việt - Delta</i>	<i>1.668.913.356</i>	<i>1.668.913.356</i>
<i>TCT TV TK Dầu khí (Tên cũ CT CP TV và TK Dầu khí)-TK Feed Thái Bình</i>	<i>556.045.763</i>	<i>556.045.763</i>
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Cổ Kênh</i>	<i>612.793.577</i>	<i>2.447.078.700</i>
<i>Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc</i>	<i>303.218.000</i>	<i>303.218.000</i>
<i>Công ty TV Địa kỹ thuật - CN TCT TVXD thủy lợi VN-CTCP tại Hà Nội</i>	<i>340.336.868</i>	<i>340.336.868</i>
Các khoản phải trả đối tượng khác	201.709.200	126.752.580

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ban QLDA Vũng Áng - Quảng Trạch (*)	1.686.824.496	1.686.824.496
Công ty khác	319.967.452	174.222.453
<b>Cộng</b>	<b>2.006.791.948</b>	<b>1.861.046.949</b>

Trong năm 2011, Ban Quản lý dự án Vũng Áng - Quảng Trạch đã tạm ứng cho Công ty số tiền 1.686.842.496 VNĐ để thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch hợp đồng số 46/2011 và 56/2011. Hiện tại Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư để xác định khối lượng công việc đã thực hiện và đánh giá khả năng tiếp tục thực hiện dự án này.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2015</b>	<b>Phải nộp trong năm</b>	<b>Thực nộp trong năm</b>	<b>30/06/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	986.142.043	80.435.821	1.066.577.864	-
Thuế TNDN	1.824.249.458	-	877.043.802	947.205.656
Thuế thu nhập cá nhân	101.394.825	5.749.684	103.564.717	3.579.792
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.911.786.326</b>	<b>89.185.505</b>	<b>2.050.186.383</b>	<b>950.785.448</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
BHXX, BHYT, BHTN	13.658.106	50.434.306
Kinh phí công đoàn	6.617.482	9.758.756
Phải trả khác	96.380.329	96.380.329
<b>Cộng</b>	<b>116.655.917</b>	<b>156.573.391</b>

**18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cổ đông	294.000.000	294.000.000
<b>Cộng</b>	<b>294.000.000</b>	<b>294.000.000</b>

Khoản còn phải trả cổ tức cho cổ đông theo nghị quyết đại hội cổ đông số 08/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐLDK năm 2012 về phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2011 tại thời điểm 30/06/2016 là 294.000.000 VNĐ. Công ty xác định khoản phải trả cổ đông này chưa phải chi trả trong thời gian 12 tháng tiếp theo. Do vậy, Công ty phân loại đây là khoản phải trả dài hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>146.866.588</b>	<b>193.304.644</b>	<b>20.340.171.232</b>
Tăng trong kỳ	-	-	(89.277.222)	(89.277.222)
Điều chỉnh trong kỳ	-	-	(855.430.575)	(855.430.575)
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	766.153.353	766.153.353
<b>Tại 30/06/2015</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>146.866.588</b>	<b>104.027.422</b>	<b>20.250.894.010</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>146.866.588</b>	<b>129.034.855</b>	<b>20.275.901.443</b>
Tăng trong kỳ	-	-	(764.083.445)	(764.083.445)
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	(764.083.445)	(764.083.445)
<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>146.866.588</b>	<b>(635.048.590)</b>	<b>19.511.817.998</b>

## CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2016		31/12/2015	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	4.980.000.000	24,9	4.980.000.000	24,9
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	1.919.000.000	9,6	1.919.000.000	9,6
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Điện 2	-	0,0	1.779.000.000	8,9
Ông Zhang Ping	1.431.000.000	7,2	1.431.000.000	7,2
Công Ty CP Đầu tư và Quản lý Nguồn điện Việt Nam	660.000.000		660.000.000	
Cổ đông khác	11.010.000.000	55,0	9.231.000.000	46,1
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100,0</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100,0</b>

Theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp, vốn cổ phần đăng ký của Công ty là 20 tỷ đồng, được chia thành 2.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***20. DOANH THU**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.187.638.664</b>	<b>20.926.965.777</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.187.638.664	20.926.965.777
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.187.638.664</b>	<b>20.926.965.777</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	704.514.121	16.615.815.079
<b>Cộng</b>	<b>704.514.121</b>	<b>16.615.815.079</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	10.098.743.649
Chi phí nhân công	1.045.758.742	4.682.924.033
Chi phí khấu hao, phân bổ	104.581.621	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	647.872.000	4.171.007.793
Chi phí khác	154.715.517	843.065.754
<b>Cộng</b>	<b>1.952.927.880</b>	<b>19.795.741.229</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>(764.083.445)</b>	<b>1.104.750.185</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	29.056.815
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế chưa trừ lỗ chuyển sang từ năm trước</b>	<b>(764.083.445)</b>	<b>1.133.807.000</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(764.083.445)</b>	<b>1.133.807.000</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	-	249.437.540
Điều chỉnh thuế TNDN của năm 2014	-	89.159.292
<b>Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>338.596.832</b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**CỔ PHIẾU

	30/06/2016 Số lượng	31/12/2015 Số lượng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VNĐ/Cổ phiếu)	10.000	10.000

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên một cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông phổ thông sở hữu số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(764.083.445)	766.153.353
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	(382)	383

**25. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo đánh giá của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Doanh thu theo tiến độ kế hoạch</b>			
Công ty TNHH đầu tư và quản lý Hoàng Phúc	Cổ đông	1.105.820.482	-
<b>Thù lao của Ban Giám đốc</b>			
Lương và các khoản phụ cấp		193.397.159	197.959.271

Số dư phải thu với bên liên quan được trình bày tương ứng tại thuyết minh số 6.

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.15

	Giá trị ghi sổ 30/06/2016 VND	Giá trị ghi sổ 31/12/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	4.338.496.502	76.880.179
Phải thu của khách hàng	13.108.758.589	23.975.298.805
Phải thu khác	1.495.616.284	641.216.284
<b>Cộng</b>	<b>18.942.871.375</b>	<b>24.693.395.268</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	3.683.016.764	5.442.345.267
Chi phí phải trả	400.000.000	-
Phải trả khác	116.655.917	156.573.391
<b>Cộng</b>	<b>4.199.672.681</b>	<b>5.598.918.658</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

**28. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Các Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày trên giả định là Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 và báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2015 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Grant Thornton(Việt Nam), được điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến các chỉ tiêu của báo cáo tài chính như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2015		Đơn vị tính: VND	
		Đã trình bày	Điều chỉnh	31/12/2015	Ghi Trình bày lại chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8.180.088.344	(753.176.000)	7.426.912.344	(i)
Người mua trả tiền trước	312	2.614.222.949	(753.176.000)	1.861.046.949	(i)
Phải trả ngắn hạn khác	319	450.573.391	(294.000.000)	156.573.391	(ii)
Phải trả dài hạn khác	337	-	294.000.000	294.000.000	(ii)
Hàng tồn kho	141	1.484.995.028	(1.415.465.414)	69.529.614	(iii)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	1.415.465.414	1.415.465.414	(iii)

(i): Điều chỉnh khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng số tiền 753.176.000 VNĐ của dự án Công trình thủy điện Nậm Pàn do bù trừ với khoản chủ đầu tư trả trước cho dự án này.

(ii): Phân loại lại khoản nợ phải trả ngắn hạn khác của khoản phải trả cổ đông thành phải trả dài hạn khác.

(iii): Phân loại lại chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình đã phát sinh quá một chu kỳ kế toán của các công trình Thủy Điện Nậm Chà 3 và Công trình nhiệt điện Quảng Trạch thành chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Ninh Văn Chương**

**Zhang Zheng Ming**